TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị Biển và anh Ử.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị QTB, sinh năm 1993.

Trú tại: Bản Áng Nghịu, xã CH, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh TVU, sinh năm 1988.

Trú tại: Bản HH, xã CH, huyện ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị QTB trình bày:

Chị và anh TVU lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, chưa đăng ký kết hôn do nhiều lần đi đăng ký thì anh TVU đi tù và đi cai nghiện nên không đăng ký được. Đến nay thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do anh TVU không chăm lo xây dựng gia đình đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên

khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ năm 2020 hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị QTB xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án xử không công nhận chị và anh TVU là vợ chồng.

Về con chung: Có một con là TVA, sinh ngày 19/06/2012. Chị xin được nuôi dưỡng con và tùy vào nguyện vọng của con, không yêu cầu anh TVU phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh TVU từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu có trong hồ sơ xác nhận chị QTB và anh TVU đã sống chung như vợ chồng. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị QTB. Hai người có đề nghị không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có một con là TVA, sinh ngày 19/06/2012.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ chấp nhận xử không công nhận chị QTB và anh TVU là vợ chồng.

Con chung: Giao cho chị QTB trực tiếp nuôi dưỡng cháu TVA, sinh ngày 19/06/2012. Anh TVU không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị QTB chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh TVU sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bầy nguyện vọng, đã được cấp tống đạt các văn bản tố

tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã CH, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh TVU.

Nguyên đơn chị QTB có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị QTB và anh TVU lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân do anh TVU không chăm lo xây dựng gia đình đi vào con đường nghiện ma túy. Hiện hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị QTB và anh TVU đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị QTB yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử không công nhận chị QTB và anh TVU là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có một con là TVA, sinh ngày 19/06/2012. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu TVA muốn ở với mẹ. Cần giao con cho chị QTB trực tiếp nuôi dưỡng. Chị QTB không yêu cầu anh TVU phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của Điều 15; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị QTB không yêu cầu miễn án phí và tự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử không công nhận chị QTB và anh TVU là vợ chồng.

2. Giao cho chị QTB trực tiếp nuôi một con là cháu TVA, sinh ngày 19/06/2012. Anh TVU không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị QTB phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003808 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La.

Chị QTB, anh TVU được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUÊN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.